

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Tam và ông Phạm Hồng Thuận

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Võ Thành T (P), sinh ngày 16/9/2002; Nơi cư trú: Tổ 04, khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T, sinh năm 1973 và bà Trần Thị B, sinh năm 1974; anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; chưa có vợ, con.

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 26/3/2024, bị Công an xã Châu Phong xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Châu từ ngày 03/4/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thành Đ (Đời), sinh ngày 27/9/2003; Nơi cư trú: Tổ 04, khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T, sinh năm 1974 và Trần Thị M, sinh năm 1974; anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ hai; chưa có vợ, con.

Tiền án: không.

Tiền sự: Ngày 26/3/2024, bị Công an xã Châu Phong xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Tân Châu từ ngày 03/4/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Công Q, sinh ngày 10/5/1979; Nơi cư trú: Tổ 12, ấp P A A, xã P V, thị xã T C, tỉnh A G; nghề nghiệp: Mua bán phế liệu; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: đạo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công R, sinh năm 1953 (chết) và bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1954 (chết); anh, chị, em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị T H, sinh năm 1981; Con có 01 người sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2024 đến ngày 10/6/2024 được hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Phước V, sinh năm 1998; Nơi cư trú: khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

- Ông Lê Thành L, sinh năm 1996; Nơi cư trú: khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

- Ông Trần Văn Thảo, sinh năm 1977; Nơi cư trú: khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

- Ông Võ Văn T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, tỉnh A G (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977; Nơi cư trú: ấp P A B, xã P V, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Thu E(Méo), sinh năm 1981; Nơi cư trú: ấp P A B, xã P V, thị xã T C, tỉnh A G (vắng mặt).

- Bà Dương Thị T, sinh năm 1974; Nơi cư trú: ấp P Đ, xã P L, huyện P T, tỉnh A G (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Lê Văn G, sinh năm 1998 (vắng mặt);

- Chị Bùi Thị T N, sinh năm 2001 (có mặt);

- Ông Phan Văn T, sinh năm 1966 (vắng mặt);

- Ông Trần Thế P, sinh năm 1981 (có mặt);

- Ông Trần Thanh Y, sinh năm 1963 (có mặt);

- Ông Đặng Văn L, sinh năm 1995 (vắng mặt);

- Ông Trần Văn V C, sinh năm 1993 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị T H, sinh năm 1981(có mặt);

- Ông Phạm T E, sinh năm 1990 (có mặt);

- Ông Tô Văn S, sinh năm 1995 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/4/2024, Võ Thành T, Lê Thành Đ đi bộ đến khu vực khóm L Q C, phường L P, thị xã T C phát hiện xe mô tô 94FC-1004, nhãn hiệu FORESTRY, màu sơn xanh của Nguyễn Phước V đậu trên lề đường, không người trông giữ. Đ đứng ngoài cảnh giới, T tiếp cận lấy trộm, câu đề rét đem bán cho Q được 700.000 đồng. Bị hại trình báo cơ quan Công an. Qua làm việc T, Đ, Q khai nhận hành vi phạm tội, Q giao nộp lại xe cho Cơ quan Công an. Ngoài ra, T, Đ khai nhận, đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn phường L P; xã P V, thị xã T C; xã P L, huyện P T. Qua điều tra, xác định:

Võ Thành T rủ Lê Thành Đ tìm tài sản lấy trộm, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, Đ đồng ý. Từ tháng 2/2024 đến ngày 02/4/2024, T, Đ đã nhiều lần lấy trộm tài sản mang bán cho vợ phước liệu của Trần Công Q. Khi mua, Q biết rõ do trộm mà có, cụ thể:

Khoảng tháng 2/2024, Đ đi đến trại của Võ Văn T tại khu vực khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, lấy trộm 01 máy xăng bơm nước hiệu Yokohama 6.5 mang bán cho Q với giá 70.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau, Đ đi đến trại của ông Thảo, lấy trộm 01 máy bơm hiệu Yanmar, mang bán cho Q được 70.000 đồng. Sau đó, T, Đ đi đến khu vực đường cộ 30/4 thuộc ấp Phú An B, xã P V, thị xã T C, lấy trộm 01 máy xăng bơm nước của Nguyễn Văn T, mang bán cho Q với giá 130.000 đồng.

Từ ngày 18/3/2024 đến 2/4/2024, T, Đ đã lấy trộm 05 xe mô tô, mang bán cho Q, như sau:

Ngày 18/3/2024 T, Đ đi đến khu vực đất vườn của Lê Thành L thuộc khóm L Q C, phường L P, thị xã T C nhìn thấy 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen biển số 52X4-1442 để trong hàng rào. Đ đứng ngoài cảnh giới, T đi đến, dùng kiếm cộng lực cắt hàng rào lưới B40, đột nhập, lấy trộm xe mô tô. Sau khi lấy trộm, Đ bẻ biển số, vứt tại hàng rào, câu dây điện dờ rét, điều khiển xe chở Đ đến bán xe cho Q được 1.000.000 đồng. Sau khi mua xe, Q tháo bộ áo xe, bán phước liệu, còn lại khung sườn xe để trong nhà (đã giao nộp Cơ quan Công an).

Tiếp tục, trong tháng 3/2024 (không xác định ngày), T, Đ đi bộ đến khu vực đất ruộng thuộc ấp Phú An A, xã P V, thị xã T C lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda, loại C50 màu xanh biển số 52HA-7071 của Nguyễn Thu E đậu trên lề đường, không khóa cổ, Đ bẻ gãy biển số, mang xe đến bán cho Q được 500.000 đồng. Sau đó, Q cho Thu E chuộc lại xe, với giá 500.000 đồng.

Tiếp tục, trong tháng 3/2024 (không xác định ngày), T, Đ đến khu vực ấp Phú Đông, xã P L, huyện P T phát hiện xe mô tô loại xe nhãn hiệu Max 50, biển số 67U1-1303 của Dương Thị T, đậu trên lề đường không người trông coi, Đ đến lấy trộm, tháo dây điện câu đề rét, T điều khiển xe đem bán cho Q số tiền 500.000 đồng. Q tháo rời các bộ phận, bán phước liệu, xe không thu hồi được.

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 29/3/2024, T, Đ đi bộ đến khu vực khóm L Q C, phường L P, thị xã T C phát hiện xe mô tô, nhãn hiệu Drama, loại C110, màu đỏ, biển số 67L6 - 6628 của Trần Văn Thảo không khóa cổ. Đ đứng ngoài cảnh giới, T tiếp cận,

lấy trộm, bề biển số vớt bỏ, câu đề rét, điều khiển xe mang bán cho Q số tiền 500.000 đồng. Q tháo bộ áo xe bán phế liệu, còn khung sườn xe đã giao nộp Cơ quan Công an.

Ngoài ra, trong tháng 3/2024 (không nhớ ngày), T, Đ đến khu vực khóm L Q C, phường L P, thị xã T C lấy trộm xe mô tô loại Wave màu đen (chưa xác định biển số xe và bị hại), mang bán cho Q số tiền 500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu đã khởi tố, tạm giam đối với T, Đ, Q.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 733, 793, 798, 803, 838, 858 ngày 03/4/2024; 07/5/2024; 28/5/2024; 06/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, thị xã Tân Châu, kết luận:

- 01 xe mô tô biển số 94FC-1004, nhãn hiệu FORESTRY, màu sơn xanh trị giá 2.500.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 67L6-6628, nhãn hiệu DRAMA, màu đỏ trị giá 3.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 52HA-7071, nhãn hiệu Cúp 50 màu xanh trị giá 1.700.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 52X4-1442, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen trị giá 8.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô biển số 67U1-1330, nhãn hiệu Max, trị giá: 700.000 đồng.

- 01 xe mô tô hiệu FUSACO, không có biển số trị giá 2.800.000 đồng.

- 01 máy xăng hiệu YOKOHAMA 6.5, bình xăng sơn màu trắng, thân máy màu đỏ trị giá 150.000 đồng.

- 01 máy xăng hiệu YANMAR bình xăng sơn màu trắng thân máy màu đỏ, trị giá 150.000 đồng.

- 01 máy xăng màu xanh, không xác định nhãn hiệu, trị giá 500.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu FORESTRY, màu sơn xanh, biển số 94FC-1004.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen, biển số 52X4-1442.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Drama, loại C110, màu đỏ, biển số 67L6-6628.

- 01 xe mô tô, nhãn hiệu Cúp 50 màu xanh, biển số 52HA-7071.

- 01 máy xăng hiệu YOKOHAMA, bình xăng màu trắng, thân máy màu đỏ và hiệu YANMAR bình xăng màu đỏ, thân máy màu xanh.

- 01 máy xăng màu xanh.

(Tất cả đã trả cho bị hại)

- 01 xe mô tô hiệu FUSACO, không có biển số.

- 01 áo thun màu xanh, tay ngắn và 01 quần dài thể dục màu đen, sọc trắng.

- 01 áo thun ngắn màu cam và 01 quần thun ngắn màu đỏ.

- 01 cây kiếm lưỡi bằng kim loại màu đen.
- Số tiền Việt Nam 550.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: các bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường tài sản bị thiệt hại.

Cáo trạng số 35/CT-VKSTC ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố các bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, truy tố bị cáo Trần Công Q về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ và Trần Công Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Lời khai của bị hại ông Võ Văn T và những người làm chứng có mặt tại phiên tòa phù hợp với nội dung vụ án. Riêng các bị hại và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra có lời khai trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Võ Thành T mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, xử phạt bị cáo Lê Thành Đ mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù cùng về tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 35, của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Công Q số tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, đồng ý theo quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại nên về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại, những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, đối với những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn T hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 02/4/2024, Võ Thành T, Lê Thành Đ đi bộ đến khu vực khóm L Q C, phường L P, thị xã T C phát hiện xe mô tô 94FC-1004, nhãn hiệu FORESTRY, màu sơn xanh của Nguyễn Phước V đậu trên lề đường, không người trông giữ. Đ đứng ngoài cảnh giới, T tiếp cận lấy trộm, câu đề rét đem bán cho Q được 700.000 đồng.

Ngoài ra, T, Đ khai nhận, đã nhiều lần trộm cắp tài sản trên địa bàn phường L P; xã P V, thị xã T C, cụ thể như sau: Khoảng tháng 2/2024, Đ lấy trộm của ông Võ Văn T 01 máy xăng bơm nước hiệu Yokohama 6.5 mang bán cho Q với giá 70.000 đồng. Khoảng 02 ngày sau, Đ lấy trộm của ông Thảo 01 máy bơm hiệu Yanmar, mang bán cho Q được 70.000 đồng. Sau đó, T, Đ lấy trộm 01 máy xăng bơm nước của ông Nguyễn Văn T, mang bán cho Q với giá 130.000 đồng.

Từ ngày 18/3/2024 đến 2/4/2024, T, Đ đã lấy trộm 05 xe mô tô, mang bán cho Q, như sau:

Ngày 18/3/2024, T, Đ lấy trộm của ông Lê Thành L 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, màu xanh đen biển số 52X4-1442. Sau khi lấy trộm, Đ bẻ biển số, câu dây điện đờ rét, điều khiển xe chở Đ đến bán xe cho Q được 1.000.000 đồng. Sau khi mua xe, Q tháo bộ áo xe, bán phế liệu, còn lại khung sườn xe để trong nhà (đã giao nộp Cơ quan Công an).

Trong tháng 3/2024 (không xác định ngày), T, Đ lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda, loại C50 màu xanh biển số 52HA-7071 của ông Nguyễn Thu Evà mang xe đến bán cho Q được 500.000 đồng. Sau đó, Q cho Thu Em chuộc lại xe, với giá 500.000 đồng.

Tiếp tục, trong tháng 3/2024 (không xác định ngày), T, Đ lấy trộm xe mô tô loại xe nhãn hiệu Max 50, biển số 67U1-1303 của bà Dương Thị T, sau khi lấy trộm, T điều khiển xe đem bán cho Q số tiền 500.000 đồng. Q tháo rời các bộ phận, bán phế liệu, xe không thu hồi được.

Khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 29/3/2024, T, Đ lấy trộm xe mô tô, nhãn hiệu Drama, loại C110, màu đỏ, biển số 67L6 - 6628 của ông Trần Văn Thảo và đem bán cho Q số tiền 500.000 đồng. Q tháo bộ áo xe bán phế liệu, còn khung sườn xe đã giao nộp Cơ quan Công an.

Ngoài ra, trong tháng 3/2024 (không nhớ ngày), T, Đ đến khu vực khóm L Q C, phường L P, thị xã T C lấy trộm xe mô tô loại Wave màu đen (chưa xác định biển số xe và bị hại), mang bán cho Q số tiền 500.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm,

thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội, phù hợp với biên bản dựng lại hiện trường và kết quả định giá tài sản cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, cụ thể:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a).....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Công Q đã phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự, cụ thể.

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Do đó, Cáo trạng số 35/CT-VKS ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu truy tố hành vi phạm tội của bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là nguy hiểm cho xã hội nhưng do xuất phát từ bản tính tham lam, lười lao động, xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy các bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và động cơ phạm tội của bị cáo. Bị cáo Trần Công Q biết rõ tài sản do bị cáo T, Đ trộm cắp mà có nhưng vì háms lợi nên nhiều lần tiêu thụ tài sản của bị cáo T, Đ lấy trộm của người khác. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại một cách trái pháp luật, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục, qua đó cũng nhằm mục đích giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng và chống loại tội phạm này đang diễn ra phổ biến tại địa phương.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại

phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T và bị cáo Đ đã khai báo rõ hành vi trộm cắp tài sản và nộp tiền khắc phục hậu quả, khi thực hiện phạm tội, bị cáo T và bị cáo Đ có hoàn cảnh khó khăn, trình độ học vấn thấp; bị cáo Q tác động gia đình giao nộp lại tài sản đã tiêu thụ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s, điểm r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có cân nhắc, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo T, Đ có 01 tiền sự: Ngày 26/3/2024, bị cáo T và bị cáo Đ bị Công an xã Châu Phong xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (chưa nộp phạt); bị cáo Q là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Trong vụ án này có vai trò đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cần đánh giá vai trò, tính chất, mức độ và hậu quả phạm tội của từng bị cáo nhằm quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo. Xét thấy, bị cáo T là người trực tiếp chủ động rủ rê bị cáo Đ đi tìm tài sản để lấy trộm, do đó, bị cáo T có vai trò chủ mưu, khởi xướng, đồng thời là người thực hiện trực tiếp hành vi lấy trộm tài sản và nhiều lần đem tài sản lấy trộm có được bán cho Q với mục đích có tiền mua ma túy sử dụng, tiêu xài cá nhân nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Đối với bị cáo Đ có vai trò giúp sức tích cực như cảnh giới, bẻ biển số xe sau khi lấy trộm được tài sản để tránh bị phát hiện, đồng thời là người thực hiện trực tiếp hành vi lấy trộm tài sản và cùng với bị cáo T nhiều lần đem tài sản lấy trộm có được bán cho Q, ngoài các lần phạm tội với bị cáo T, bị cáo Đ còn thực hiện hành vi phạm tội độc lập, bị cáo Q với bị cáo T, Đ không có thỏa thuận trước về việc tiêu thụ tài sản nhưng biết được tài sản do bị cáo T, Đ trộm cắp mà có được nhưng vẫn tiêu thụ nên các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, hậu quả hành vi của bị cáo đã thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu không truy tố các bị cáo cấu thành đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hiện tại trên địa bàn thị xã Tân Châu các tội phạm có liên quan xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản có chiều hướng gia tăng làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương, điển hình là các bị cáo T, Đ đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người khác đã có hành vi lén lút lấy trộm tài sản. Bị cáo Q biết được tài sản do trộm cắp mà có nhưng vì háms lợi đã tiêu thụ tài sản, tạo điều kiện cho bị cáo T, Đ phạm tội nhiều lần và diễn ra trong thời gian dài. Do đó, việc buộc các bị cáo T, Đ phải chấp hành hình phạt tù, cách ly khỏi xã hội là cần thiết, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng giáo dục, răn đe, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân lương thiện và có ích cho xã hội. Riêng đối với hành vi phạm tội của bị cáo Q, hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra, do đó đề nghị này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hành vi phạm tội của các bị cáo theo các điều luật tương ứng còn có thể bị phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo T, bị cáo Đ nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, hình phạt chính đối với bị cáo Q cũng đủ tác dụng giáo dục. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với: 01 áo thun màu xanh, tay ngắn và 01 quần dài thể dục màu đen, sọc trắng; 01 áo thun ngắn màu cam và 01 quần thun ngắn màu đỏ 01 cây kiếm lưỡi bằng kim loại màu đen. Các vật chứng nêu trên không có giá trị sử dụng, căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

[6.2] Đối với số tiền Việt Nam 550.000 đồng (của bị cáo T là 250.000 đồng, của bị cáo Đ là 300.000 đồng), các bị cáo không yêu cầu được nhận lại, tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả và 01 xe mô tô hiệu FUSACO, không có biển số, chưa tìm được bị hại. Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét thấy cần tịch thu vào ngân sách Nhà nước đối với 01 xe mô tô hiệu FUSACO, không có biển số và số số tiền Việt Nam 550.000 đồng.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với vụ trộm cắp xảy ra tháng 3/2024 (không nhớ ngày), tại khóm L Q C, phường L P, thị xã T C, chưa xác định bị hại, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng chưa xác định được bị hại, sẽ tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[8] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đánh giá tính chất, mức độ, nhân thân, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như mức hình phạt, tổng hợp hình phạt đối với bị cáo về cơ bản phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về án phí: các bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ, Trần Công Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ cùng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản Điều 52; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt:

Võ Thành T 01 (một) năm tù.

Lê Thành Đ 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo T, bị cáo Đ được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 03/4/2024).

2. Tuyên bố bị cáo Trần Công Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Trần Công Q số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu).

3. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun màu xanh, tay ngắn và 01 quần dài thể dục màu đen, sọc trắng; 01 áo thun ngắn màu cam và 01 quần thun ngắn màu đỏ 01 cây kiềm lưỡi bằng kim loại màu đen.

Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô hiệu FUSACO, không có biển số và số tiền Việt Nam 550.000 đồng (năm trăm năm mươi nghìn).

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Tân Châu với Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang).

5. Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Võ Thành T, Lê Thành Đ, Trần Công Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Công an TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX Tân Châu;
- Nhà Tạm giữ CA TX Tân Châu;
- Bộ phận THA Tòa án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Sang

- UBND xã, phường (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

